

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025

Thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 12/6/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” ở Việt Nam đến năm 2025, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, như sau:

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đảm bảo đủ lương thực, thực phẩm, đáp ứng đủ dinh dưỡng cho người dân nhằm nâng cao thể trạng, trí tuệ, tầm vóc của người dân tại các vùng, miền trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Cơ bản các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm.
- + Giảm tỷ lệ hộ gia đình có mức năng lượng ăn vào bình quân đầu người dưới 1.800 Kcal dưới 5%;
- + Tăng mức tiêu thụ rau, củ, quả trung bình đầu người lên 400 g/ngày.
- Giảm suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi, với các chỉ tiêu như sau:
 - + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 20%;
 - + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể gầy còm ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 5%;
 - + Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân ở trẻ em dưới 2 tuổi xuống dưới 12,5%;
 - + Giảm tỷ lệ trẻ có cân nặng sơ sinh thấp (<2.500 gam) xuống dưới 3%.
- Phát triển hệ thống lương thực thực phẩm bền vững: 100% hộ tham gia chương trình được tham gia tổ hợp tác, hợp tác xã và liên kết sản xuất;
- Phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ tăng năng suất và thu nhập: Các hộ tham gia chương trình có tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và tăng thu nhập 10%;
- Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm.

2. Nội dung thực hiện

2.1. Đảm bảo cho các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng hợp lý quanh năm

- Xác định nhu cầu dinh dưỡng hợp lý cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình.

+ Triển khai các hoạt động truyền thông đại chúng với các loại hình, phương thức, nội dung phù hợp nhằm nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý; đảm bảo chế độ ăn lành mạnh cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ theo đặc điểm của địa phương, vùng, miền; đẩy mạnh việc thực hiện giáo dục dinh dưỡng và thể chất trong hệ thống trường học;

+ Xây dựng các tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân, đặc biệt những hộ nghèo, hộ có con dưới 02 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng khó khăn và vùng có tỷ lệ suy dinh dưỡng cao.

- Thực hiện các mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng đảm bảo dinh dưỡng cho người dân: Lập kế hoạch ở các cấp xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp dinh dưỡng phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân.

2.2. Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi ở mức thấp

- Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời); cải thiện tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em.

+ Mở rộng các dịch vụ tư vấn về dinh dưỡng cho mọi lứa tuổi đặc biệt là dịch vụ tư vấn về dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em;

+ Mở rộng, nâng cao chất lượng các hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em bằng cách: Can thiệp bổ sung viên sắt hoặc viên đa vi chất dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai; bổ sung vitamin A, kẽm cho trẻ em; tẩy giun định kỳ, tiêm chủng đầy đủ cho trẻ; phục hồi sinh dưỡng cho trẻ suy dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý cho bà mẹ trước trong và sau sinh; nuôi con bằng sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu và ăn bổ sung hợp lý cho trẻ dưới 2 tuổi; tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh thông qua cải thiện hệ thống cung ứng.

- Đảm bảo dinh dưỡng cho các đối tượng ưu tiên

+ Đẩy mạnh tuyên truyền thay đổi hành vi trong thực hành dinh dưỡng dành cho trẻ nhỏ đối với người dân tộc thiểu số; ưu tiên hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi tại những vùng đặc biệt khó khăn và trong tình huống khẩn cấp tại các vùng thiên tai, lũ lụt;

+ Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng cộng đồng thích hợp với đặc điểm địa phương, đặc biệt ở vùng khó

khăn, khu vực tập trung nhiều lao động nữ (khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa...).

- Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng.

+ Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm;

+ Tăng cường tuyên truyền và giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ; hướng dẫn bữa ăn học đường cho trẻ mầm non và áp dụng phân mềm xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng trong các trường mầm non.

- Giám sát dinh dưỡng

+ Củng cố tổ chức bộ máy và mạng lưới làm công tác dinh dưỡng cấp tỉnh, huyện, xã đủ mạnh để quản lý, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng; nâng cao trình độ hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản để tổ chức thực hiện, theo dõi và triển khai có hiệu quả các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng tại cộng đồng;

+ Xây dựng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử.

2.3. Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững

- Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu; ưu tiên cho các vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội và trợ cấp lương thực, thực phẩm kịp thời khi cần thiết;

+ Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi với các sản phẩm lợi thế của tỉnh, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

- Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.

+ Tăng cường chỉ đạo công tác quản lý, bảo vệ đê điều, thực hiện nghiêm túc chế độ thường trực 24/24, theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, thiên tai, tiếp nhận các thông tin đầy đủ, chính xác; xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

+ Nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; đẩy mạnh các biện pháp phi công trình kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng.

- Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững.

+ Phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng với nhu cầu tiêu dùng của người dân; đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm trang bị các kiến thức cho người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, tiết kiệm;

+ Phát triển liên kết sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm.

- Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp.

+ Tiếp tục phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp; đổi mới và khuyến khích phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn, đảm bảo hoạt động hiệu quả, tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp và nâng cao thu nhập cho nông dân.

+ Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn; đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp.

2.4. Tăng năng suất và thu nhập đối với phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ

- Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững.

+ Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến);

+ Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: Giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị;

+ Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp;

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông: Tăng cường áp dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn; phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

2.5. Phần đầu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm

- Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến;

- Đẩy mạnh tuyên truyền giúp người dân sử dụng hợp lý, tiết kiệm chống lãng phí lương thực, thực phẩm;

- Tăng cường năng lực chế biến, kiểm soát an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh, vệ sinh môi trường trong sản xuất lương thực, thực phẩm.

2.6. Các hoạt động cụ thể (Phụ lục kèm theo)

3. Kinh phí thực hiện

- Ngân sách nhà nước được bố trí hàng năm để thực hiện Chương trình theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Nguồn vốn lồng ghép trong Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020, các chương trình mục tiêu, chương trình, dự án khác;

- Các nguồn vốn huy động hợp pháp khác (nếu có).

4. Giải pháp thực hiện

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để cho người dân, các cấp chính quyền và toàn xã hội hiểu được ý nghĩa và tầm quan trọng của chương trình;

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nắm được phương pháp, cách làm, đặc biệt với các hộ gia đình là chủ thể thực hiện chương trình này, nhằm tổ chức triển khai hiệu quả chương trình.

- Triển khai và nhân rộng mô hình giảm nghèo theo hướng liên kết giữa hộ nghèo và doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại để có được sự hỗ trợ về sản xuất, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, áp dụng các giống cây, con có năng suất, chất lượng cao vào phát triển sản xuất và tiêu thụ nông sản.

- Tăng cường công tác đào tạo nghề bằng nhiều hình thức, gắn công tác đào tạo nghề với giải quyết việc làm, đẩy mạnh hoạt động giới thiệu việc làm tạo điều kiện cho người lao động sau đào tạo tìm được việc làm.

- Huy động nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để thực hiện Kế hoạch đạt mục tiêu đề ra.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, hướng dẫn các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói”;

- Chủ trì, đánh giá việc thực hiện chương trình, tổng hợp tình hình, sơ kết chương trình thí điểm, đề xuất kế hoạch mở rộng với UBND tỉnh, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo quốc gia;

- Phối hợp với các sở, ngành có liên quan thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, việc triển khai thực hiện chương trình của UBND các huyện, thị xã, thành phố; tổng hợp các báo cáo định kỳ, đột xuất theo chức năng nhiệm vụ được giao, kiến nghị UBND tỉnh, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo quốc gia các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Kế hoạch thực hiện có hiệu quả và đồng bộ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan huy động và bố trí các nguồn vốn trong và ngoài nước để thực hiện Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

3. Sở Tài chính

Hàng năm, tổng hợp kinh phí thực hiện Chương trình để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

4. Sở Y tế

- Lập dự toán kinh phí thực hiện Chương trình trong dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo nhiệm vụ được giao, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

- Lập kế hoạch theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án, các mô hình được giao và gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Văn phòng Thường trực Ban chỉ đạo quốc gia;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

5. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và các địa phương lồng ghép nội dung hoạt động nhân rộng mô hình giảm nghèo từ Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo với Chương trình hành động quốc gia “Không còn nạn đói”;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

6. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan chỉ đạo và tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông về các nội dung của Chương trình;

- Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan truyền thông triển khai tuyên truyền về các nội dung hoạt động của Chương trình.

- Tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

7. Sở Công thương

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và các địa phương phát triển hệ thống cung ứng lương thực, thực phẩm đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người dân theo Chương trình;

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đánh giá và báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

8. Các sở, ban, ngành, các tổ chức đoàn thể, chính trị xã hội có liên quan: Theo chức năng quản lý nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức mình, phối hợp chặt chẽ với các cấp để tổ chức triển khai chương trình đạt hiệu quả.

9. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào chương trình hành động của UBND tỉnh để chỉ đạo xây dựng, phê duyệt kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện chương trình trên địa bàn;
- Bố trí nguồn ngân sách địa phương và lồng ghép kinh phí từ các chương trình, dự án để thực hiện các nhiệm vụ triển khai Chương trình thuộc trách nhiệm của các địa phương theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

III. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

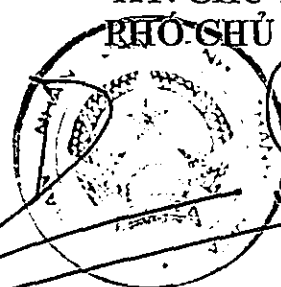
- Hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động của chương trình năm 2018;
- Xây dựng mô hình điểm và sơ kết đánh giá mô hình tại một số huyện miền núi trong năm 2019;
- Đánh giá, tổng kết việc thí điểm Chương trình để nhân rộng ra các địa phương tham gia chương trình từ năm 2020;
- Tổng kết Chương trình trong năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động Quốc gia “Không còn nạn đói” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị căn cứ Kế hoạch để tổ chức thực hiện nghiêm túc và đạt hiệu quả; định kỳ 6 tháng (trước ngày 15/6) và hàng năm (trước ngày 30/11) báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh tình hình triển khai thực hiện (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)/.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TU, Ban Dân vận TU;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị (Mục II);
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, VX.BT.XH105

KT. CHỦ TỊCH
RHÓ. CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền



Phụ lục
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG QUỐC GIA KHÔNG CÒN NẠN ĐÓI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THANH HÓA ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số : 153 /KH-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa)


TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/làm mới
1	Đảm bảo cho các hộ có đủ lương thực, thực phẩm đảm bảo dinh dưỡng quanh năm					
1.1	Xác định nhu cầu về dinh dưỡng cho các độ tuổi của người dân trong hộ gia đình					
1.1.1	Triển khai các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao hiểu biết và thực hành dinh dưỡng hợp lý, tháp dinh dưỡng hợp lý; đảm bảo chế độ ăn lành mạnh cho các đối tượng khác nhau, đặc biệt phụ nữ tuổi sinh đẻ và trẻ nhỏ theo đặc điểm của địa phương, vùng, miền; đẩy mạnh việc thực hiện giáo dục dinh dưỡng và thể chất trong hệ thống trường học;	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND tỉnh, Liên Đoàn lao động, các đoàn thể xã hội	2018-2025	Kế hoạch hành động (HĐ) dinh dưỡng	Lồng ghép
1.1.2	Xây dựng hướng dẫn bảo đảm an ninh thực phẩm, an ninh dinh dưỡng tại các khu vực khó khăn và bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu.	Sở Y tế	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Kế hoạch HĐ dinh dưỡng	Lồng ghép
1.1.3	Xây dựng tài liệu hướng dẫn cách tạo nguồn thực phẩm sẵn có và đa dạng tại hộ gia đình cho các đối tượng người dân đặc biệt những hộ nghèo, hộ có con dưới 2 tuổi nhằm đảm bảo an ninh thực phẩm và an ninh dinh dưỡng, cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho đồng bào các DT thiểu số, vùng khó khăn và vùng có tỷ lệ SDD cao	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2020	Kế hoạch HĐ dinh dưỡng	Lồng ghép
1.2	Thực hiện các mô hình SX nông nghiệp dinh dưỡng theo kế hoạch phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng để đảm bảo dinh dưỡng cho người dân					

TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/ làm mới
1.2.1	Xây dựng mô hình điểm, mô hình nhân rộng về tổ chức sản xuất nông nghiệp đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo kế hoạch cho hộ gia đình	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Y tế, Sở LĐ-TB&XH, UBND các huyện, thị, thành phố	2018-2025	Mô hình	Làm mới
2	Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em dưới hai tuổi					
2.1	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ em kể từ khi còn là bào thai đến khi tròn 2 tuổi (chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời)					
2.1.1	Mở rộng các dịch vụ tư vấn về dinh dưỡng cho mọi lứa tuổi đặc biệt là dịch vụ tư vấn về dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em	Sở Y tế	Các đơn vị trong Ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.1.2	Tổ chức tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng triển khai các hoạt động dinh dưỡng và tư vấn về Nuôi dưỡng trẻ nhỏ của cán bộ y tế cơ sở, nhân viên y tế khoa sản, khoa nhi ở bệnh viện	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.1.3	Mở rộng, nâng cao chất lượng các hoạt động can thiệp phòng chống suy dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Làm mới
2.2	Tình trạng vi chất dinh dưỡng của bà mẹ và trẻ em được cải thiện					
2.2.1	Triển khai có hiệu quả chương trình Vitamin A và tẩy giun trên trên địa bàn toàn tỉnh đặc biệt tại các vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng ảnh hưởng thiên tai	Sở Y tế	Các đơn vị trong Ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.2.2	Mở rộng các can thiệp bổ sung viên sắt folic/đa vi chất cho phụ nữ mang thai và trẻ em, ưu tiên nguồn lực cho những vùng thiên tai, vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường vận động xã hội hóa tại các vùng còn lại	Sở Y tế	Các đơn vị trong Ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép / mở rộng

TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/ làm mới
2.2.3	Tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng muối i-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh thông qua công tác truyền thông, thực hiện cung ứng. Hỗ trợ muối I ốt cho những gia đình đặc biệt khó khăn/những gia đình thuộc hộ nghèo, cận nghèo	Sở Công thương	Các đơn vị trong Ban chỉ đạo PCSDDTE các cấp	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.3	Đảm bảo dinh dưỡng cho các đối tượng ưu tiên					
2.3.1	Đẩy mạnh tuyên truyền thay đổi hành vi trong thực hành dinh dưỡng dành cho trẻ nhỏ đối với người dân tộc thiểu số; ưu tiên hỗ trợ dinh dưỡng cho bà mẹ có thai và trẻ em dưới 2 tuổi tại những vùng đặc biệt khó khăn và trong tình huống khẩn cấp tại các vùng thiên tai, lũ lụt	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.3.2	Xây dựng, duy trì và nhân rộng mô hình cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng cộng đồng thích hợp với đặc điểm địa phương, đặc biệt ở vùng khó khăn, khu vực tập trung nhiều lao động nữ (khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa...)	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.4	Hoàn thiện chính sách xã hội cần thiết nhằm hỗ trợ cho bà mẹ mang thai và trẻ nhỏ được tiếp cận các dịch vụ dinh dưỡng					
2.4.1	Thực hiện hiệu quả các quy định về tăng cường vi chất vào thực phẩm; thực hiện quy định về dán nhãn thực phẩm về dinh dưỡng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.4.2	Tăng cường công tác tuyên truyền, giám sát về chính sách khuyến khích nuôi con bằng sữa mẹ	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, Hội phụ nữ	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.4.3	Chuẩn dịch vụ dinh dưỡng của các tuyến (cơ sở y tế) được xây dựng và thực hiện; đảm bảo duy trì tốt hệ thống tư vấn viên, cộng tác viên dinh dưỡng	Sở Y tế	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép

TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/ làm mới
2.5	Nâng cao chất lượng hệ thống giám sát và cảnh báo nguy cơ về dinh dưỡng					
2.5.1	Củng cố tổ chức bộ máy và mạng lưới làm công tác dinh dưỡng cấp tỉnh, huyện, xã để quản lý, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng; nâng cao trình độ, hiệu quả hoạt động của đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản để tổ chức thực hiện, theo dõi và triển khai các hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, phòng chống suy dinh dưỡng tại cộng đồng	Sở Y tế	Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
2.5.2	Xây dựng hệ thống và công cụ giám sát dinh dưỡng phù hợp thông qua công nghệ điện tử	Sở Y tế	Sở TTTT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2025	Kế hoạch HD dinh dưỡng	Lồng ghép
3	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm bền vững					
3.1	Phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm					
3.1.1	Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, phát triển nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu	Sở Nông nghiệp và PTNT	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Lồng ghép
3.1.2	Ưu tiên cho các vùng đặc biệt khó khăn được tiếp cận dịch vụ an sinh xã hội và trợ cấp lương thực kịp thời khi cần thiết	Sở LĐ-TB&XH	Sở NN&PTNT, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2020	Trợ cấp đột xuất theo NĐ 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của CP	Đang thực hiện
3.1.3	Khuyến khích phát triển các mô hình, dự án tái chế các phế phụ phẩm trong sản xuất nông nghiệp, tái sử dụng nước, sử dụng năng lượng tái tạo	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH & CN, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2020	Kế hoạch HD thích ứng BĐKH đến năm 2020	Đang thực hiện
3.2	Xây dựng năng lực dự báo, cảnh báo, chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai					

TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/ làm mới
3.2.1	Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phòng, chống thiên tai, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai bằng áp dụng các công nghệ hiện đại trong dự báo, cảnh báo và phòng chống thiên tai; đẩy mạnh các biện pháp phi công trình kết hợp với nâng cao năng lực phòng chống của cộng đồng.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN, Sở TN&MT, UBND các huyện, thị, thành phố	2018-2025	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
3.2.2	Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, ưu tiên đầu tư hạ tầng (đê, kè, đập, hồ chứa...) cho các địa bàn xung yếu chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&ĐT, UBND các huyện, thị, thành phố	2018-2025	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
3.3	Phát triển hệ thống cung ứng và tiêu dùng lương thực, thực phẩm bền vững					
3.3.1	Lập Kế hoạch triển khai Đề án Phát triển hệ thống cung ứng phân phối lương thực, thực phẩm bao gồm hệ thống bán lẻ, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân của Bộ Công Thương	Sở Công Thương	UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018 - 2020	Kế hoạch	Làm mới
3.3.2	Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi với các sản phẩm lợi thế của tỉnh, khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các Sở, ngành có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
4	Tăng năng suất và thu nhập đối với phần lớn các hộ nông dân sản xuất nhỏ					
4.1	Tăng thu nhập cho người sản xuất nhỏ để tăng phúc lợi nông thôn và giảm nghèo bền vững					
4.1.1	Tăng năng suất các loại cây trồng vật nuôi thông qua các hoạt động khuyến nông (áp dụng giống mới, áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chế biến, ...);	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
4.1.2	Tăng năng suất lao động trong sản xuất nông nghiệp thông qua việc áp dụng: Giảm chi phí sản xuất, tăng cường cơ giới hóa sản xuất, liên kết chuỗi để nâng cao giá trị,...	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN, Sở LĐ-TB&XH, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện



TT	Nội dung hoạt động	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Sản phẩm	Lồng ghép/ làm mới
4.1.3	Hỗ trợ lao động nông thôn chuyển sang các ngành nghề phi nông nghiệp ở địa phương có mức thu nhập cao hơn so với sản xuất nông nghiệp	Sở LĐ-TB &XH	Sở NN&PTNT UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
4.2	Phát triển kinh tế tập thể và kinh tế hợp tác trong nông nghiệp					
4.2.1	Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể, tập trung phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển các HTX chuyên ngành gắn với chuỗi giá trị trong nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT	Liên minh HTX, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Lồng ghép
4.2.2	Đẩy mạnh thu hút đầu tư vào sản xuất và tiêu thụ lương thực, thực phẩm ở các vùng khó khăn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở NN&PTNT, Ban Dân tộc, UBND 11 huyện miền núi	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Lồng ghép
4.3	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và khuyến nông					
4.3.1	Tăng cường áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi ở vùng khó khăn, phát triển sản xuất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu ở các vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
5	Phấn đấu không còn thất thoát hoặc lãng phí lương thực, thực phẩm					
5.1	Khuyến khích áp dụng khoa học công nghệ, phương thức quản lý nhằm giảm tổn thất trong quá trình thu hoạch, bảo quản, chế biến	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở KH&CN, Sở Công Thương, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2018-2020	Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Đang thực hiện
5.2	Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến nhằm trang bị các kiến thức tiêu dùng giúp người dân sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, hợp lý, tiết kiệm, chống lãng phí.	Sở Thông tin và Truyền thông	UBND các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị XH	2018-2025	Kế hoạch tuyên truyền	Làm mới